

NGHỊ QUYẾT

Ban hành Quy định mức chi và thời gian được hưởng hỗ trợ kinh phí phục vụ công tác bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XVI và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2026-2031 trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân số 85/2015/QH13 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật 83/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 83/2015/QH13 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 56/2024/QH15;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 87/2025/TT-BTC ngày 29 tháng 8 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XVI và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2026-2031;

Xét Tờ trình số 428/TTr-UBND ngày 03 tháng 12 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh về dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Quy định mức chi và thời gian được hưởng hỗ trợ kinh phí phục vụ công tác bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XVI và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2026 - 2031 trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn; Báo cáo thẩm tra của Ban Pháp chế - Hội đồng nhân dân tỉnh và ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết Quy định mức chi và thời gian được hưởng hỗ trợ kinh phí phục vụ công tác bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XVI và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2026 - 2031 trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn.

Điều 1. Ban hành kèm theo Nghị quyết này Quy định mức chi và thời gian được hưởng hỗ trợ kinh phí phục vụ công tác bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XVI và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2026 - 2031 trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này, báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh kết quả thực hiện theo quy định.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, Ban Pháp chế Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Điều 3. Điều khoản thi hành

1. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 20 tháng 12 năm 2025.
2. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật được dẫn chiếu tại Quy định kèm theo Nghị quyết này có sửa đổi, bổ sung, thay thế thì áp dụng theo nội dung các văn bản đã sửa đổi, bổ sung, thay thế.
3. Những nội dung công việc phục vụ công tác bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XVI và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2026 - 2031 trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn đã thực hiện trước khi Nghị quyết này có hiệu lực thi hành được chi theo Quy định ban hành kèm theo Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Lạng Sơn khóa XVII, kỳ họp thứ bốn mươi tư thông qua ngày 10 tháng 12 năm 2025.

CHỦ TỊCH

Đoàn Thị Hậu

QUY ĐỊNH

Mức chi và thời gian được hưởng hỗ trợ kinh phí phục vụ công tác bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XVI và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2026 - 2031 trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 47/2025/NQ-HĐND ngày 10/12/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lạng Sơn)

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định mức chi và thời gian được hưởng hỗ trợ kinh phí phục vụ công tác bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XVI và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2026 - 2031 trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quy định này áp dụng đối với các cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan đến lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí chi thường xuyên ngân sách nhà nước phục vụ cho công tác bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XVI và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2026 - 2031.

Điều 3. Nguyên tắc áp dụng

1. Kinh phí phục vụ cho công tác bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XVI và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2026 - 2031 do ngân sách Trung ương và ngân sách tỉnh đảm bảo. Ngoài kinh phí do ngân sách cấp trên hỗ trợ, Ủy ban nhân dân cấp xã căn cứ tình hình thực tế, yêu cầu nhiệm vụ công tác và khả năng ngân sách, báo cáo Hội đồng nhân dân cùng cấp xem xét, quyết định bổ sung kinh phí từ ngân sách cấp xã để phục vụ cho công tác bầu cử tại địa phương.

2. Các cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan được giao kinh phí phục vụ cho công tác bầu cử có trách nhiệm quản lý, chi tiêu đúng chế độ, đúng mục đích, có hiệu quả, công khai, minh bạch, không trùng lặp; tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, khoa học, công nghệ, đổi mới, sáng tạo, chuyển đổi số phục vụ cho công tác bầu cử.

3. Tiếp tục sử dụng các phương tiện, thiết bị đã được trang bị để phục vụ bầu cử trong trường hợp còn sử dụng được; đồng thời, huy động các phương tiện đã được trang bị phục vụ công tác để phục vụ cho nhiệm vụ bầu cử đảm bảo nâng cao hiệu quả sử dụng tài sản, tiết kiệm chi ngân sách nhà nước.

4. Đối với các đối tượng quy định tại mục 5.1 Điều 4 Quy định này: trường hợp một người làm nhiều nhiệm vụ khác nhau chỉ được hưởng một mức bồi dưỡng, hỗ trợ cao nhất; danh sách chi bồi dưỡng, hỗ trợ theo Quyết định thành lập của cấp có thẩm quyền.

Chương II
QUY ĐỊNH CỤ THỂ**Điều 4. Mức chi**

TT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi	
			Cấp tỉnh	Cấp xã
1	Chi xây dựng văn bản			
1.1	Chi xây dựng các văn bản quy phạm pháp luật về bầu cử		Thực hiện theo Nghị quyết số 197/2025/QH15 ngày 17 tháng 5 năm 2025 của Quốc hội về một số cơ chế, chính sách đặc biệt tạo đột phá trong xây dựng và tổ chức thi hành pháp luật; Nghị định số 289/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 11 năm 2025 của Chính phủ hướng dẫn thi hành Nghị quyết số 197/2025/QH15 ngày 17 tháng 5 năm 2025 của Quốc hội về một số cơ chế, chính sách đặc biệt tạo đột phá trong xây dựng và tổ chức thi hành pháp luật và các văn bản của Hội đồng nhân dân các cấp có liên quan.	
1.2	Chi xây dựng các văn bản liên quan đến công tác bầu cử (ngoài các văn bản quy phạm pháp luật theo quy định; tính cho sản phẩm cuối cùng, bao gồm cả tiếp thu, chỉnh lý) do Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, Ban Chỉ đạo và Ủy ban bầu cử các cấp, Sở Nội vụ, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp ban hành:			

CÔNG BÁO LẠNG SƠN/SỐ 05+06/ Ngày 09-02-2026

TT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi	
			Cấp tỉnh	Cấp xã
-	Kế hoạch; Chỉ thị; Nghị quyết; Văn bản chuyên môn hướng dẫn công tác phục vụ bầu cử; Báo cáo tổng hợp kết quả của đợt kiểm tra, giám sát; Báo cáo sơ kết, tổng kết công tác bầu cử; Biên bản tổng kết cuộc bầu cử	Đồng/văn bản	2.300.000	500.000
-	Xin ý kiến bằng văn bản các cá nhân, chuyên gia:		Mức chi từ 100.000 đồng/người/lần đến 300.000 đồng/người /lần, tổng mức chi xin ý kiến tối đa là 1.000.000 đồng/người/văn bản	
+	Xin ý kiến bằng văn bản các cá nhân	Đồng/người/lần		100.000
+	Xin ý kiến bằng văn bản các chuyên gia	Đồng/người/lần		300.000
2	Chi ứng dụng công nghệ thông tin, khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, xây dựng, cập nhật, vận hành trang thông tin điện tử phục vụ công tác bầu cử		Thực hiện theo quy định của pháp luật về công nghệ thông tin, khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo; các định mức kinh tế kỹ thuật và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan	
3	Chi tổ chức hội nghị			
3.1	Chi tổ chức hội nghị: Hội nghị triển khai công tác bầu cử, hội nghị trực tuyến, hội nghị hiệp thương, hội nghị cử tri, hội nghị tiếp xúc cử tri, vận động bầu cử, hội nghị giao ban, hội nghị tổng kết		Thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 18/2025/NQ-HĐND ngày 15 tháng 7 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định chế độ công tác phí, chế độ hội nghị trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn.	

CÔNG BÁO LẠNG SƠN/SỐ 05+06/ Ngày 09-02-2026

TT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi	
			Cấp tỉnh	Cấp xã
3.2	Chi tổ chức tập huấn cho cán bộ tham gia phục vụ công tác bầu cử		Thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 16/2018/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định chi thực hiện công tác đào tạo bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn tỉnh và Nghị quyết số 27/2023/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh sửa đổi, bổ sung Nghị quyết số 16/2018/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh.	
3.3	Chi hỗ trợ cử tri tham gia Hội nghị tiếp xúc cử tri để người ứng cử đại biểu Quốc hội, người ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp thực hiện việc vận động bầu cử (tại các xã, phường)	Đồng/cử tri/hội nghị		50.000
4	Chi cho công tác chỉ đạo, kiểm tra, giám sát công tác bầu cử			
4.1	Chi bồi dưỡng các cuộc họp Ban chỉ đạo, Ủy ban bầu cử, Ban bầu cử, Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp			
-	Chủ trì cuộc họp	Đồng/người/buổi	300.000	150.000
-	Thành viên tham dự	Đồng/người/buổi	200.000	100.000
-	Các đối tượng phục vụ	Đồng/người/buổi	100.000	50.000
4.2	Chi phương tiện đi lại, công tác phí và chế độ ngoài chế độ công tác phí			

CÔNG BÁO LẠNG SƠN/SỐ 05+06/ Ngày 09-02-2026

TT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi	
			Cấp tỉnh	Cấp xã
-	Chi phương tiện đi lại, công tác phí		Thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 18/2025/NQ-HĐND ngày 15 tháng 7 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định chế độ công tác phí, chế độ hội nghị trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn.	
-	Ngoài chế độ thanh toán công tác phí theo quy định hiện hành, các đoàn công tác được chi như sau:			
+	Trưởng đoàn giám sát	Đồng/người/buổi	200.000	100.000
+	Thành viên chính thức của đoàn giám sát	Đồng/người/buổi	150.000	80.000
+	Các đối tượng phục vụ trực tiếp	Đồng/người/buổi	100.000	50.000
5	Chi bồi dưỡng cho những người trực tiếp phục vụ trong đợt bầu cử			
5.1	Bồi dưỡng theo mức khoán (theo tháng) đối với các đối tượng sau:			
-	Trưởng Ban Chỉ đạo; Chủ tịch Ủy ban bầu cử; Phó trưởng Ban Chỉ đạo; Phó Chủ tịch Ủy ban bầu cử	Đồng/người/tháng	2.200.000	600.000
-	Các thành viên còn lại của Ban Chỉ đạo; Ủy ban bầu cử; Trưởng, phó Ban bầu cử	Đồng/người/tháng	1.000.000	300.000
-	Các thành viên Ban bầu cử còn lại	Đồng/người/tháng	600.000	200.000
-	Tổ chuyên viên giúp việc			
+	Tổ trưởng	Đồng/người/tháng	700.000	350.000
+	Tổ phó	Đồng/người/tháng	600.000	300.000

CÔNG BÁO LẠNG SƠN/SỐ 05+06/ Ngày 09-02-2026

TT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi	
			Cấp tỉnh	Cấp xã
+	Chuyên viên giúp việc còn lại	Đồng/người/tháng	500.000	250.000
-	Tổ bầu cử			
+	Tổ trưởng	Đồng/người/tháng		150.000
+	Thư ký	Đồng/người/tháng		120.000
+	Các thành viên còn lại	Đồng/người/tháng		100.000
5.2	Các đối tượng được huy động, trung tập trực tiếp phục vụ công tác bầu cử (ngoài các đối tượng đã được huy động, trung tập tham gia tại các Tiểu ban, các tổ chuyên viên giúp việc, thành viên Tổ bầu cử) không bao gồm những ngày tham gia đoàn kiểm tra, giám sát; phục vụ trực tiếp giải quyết khiếu nại, tố cáo về bầu cử, ngày trước ngày bầu cử và ngày bầu cử	Đồng/người/ngày	150.000	150.000
5.3	Các đối tượng trực tiếp tham gia phục vụ bầu cử trong 02 ngày (ngày trước ngày bầu cử và ngày bầu cử)	Đồng/người/ngày	200.000	200.000
6	Chi khoản hỗ trợ cước điện thoại di động cho những người trực tiếp phục vụ trong đợt bầu cử			
6.1	Trưởng Ban Chỉ đạo, Chủ tịch Ủy ban bầu cử, Phó trưởng Ban Chỉ đạo, Phó chủ tịch Ủy ban bầu cử	Đồng/người/tháng	300.000	100.000
6.2	Trưởng ban và Phó ban bầu cử	Đồng/người/tháng	200.000	100.000

CÔNG BÁO LẠNG SƠN/SỐ 05+06/ Ngày 09-02-2026

TT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi	
			Cấp tỉnh	Cấp xã
6.3	Các thành viên còn lại của Ban chỉ đạo, Ủy ban bầu cử	Đồng/người/tháng	200.000	100.000
7	Chi công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo; giám sát hoạt động khiếu nại, tố cáo về công tác bầu cử	Đồng/ngày/người	120.000	60.000
8	Chi in ấn tài liệu, ấn phẩm phục vụ bầu cử			
8.1	Chi in ấn các tài liệu phục vụ cho cuộc bầu cử như: Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân, các văn bản hướng dẫn thi hành Luật; các ấn phẩm, các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn phục vụ cho cuộc bầu cử		Thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành về đấu thầu, giao nhiệm vụ	
8.2	Chi in ấn: Thẻ cử tri, phiếu bầu cử, nội quy phòng/khu vực bỏ phiếu, các biểu mẫu phục vụ công tác bầu cử, phù hiệu cho nhân viên tổ chức bầu cử; các hồ sơ ứng cử, tiêu sử, các loại danh sách phục vụ công tác bầu cử (danh sách các đơn vị bầu cử, danh sách cử tri, danh sách người ứng cử, người tự ứng cử, người trúng cử); các biên bản liên quan đến bầu cử, giấy chứng nhận đại biểu trúng cử và các loại tài liệu, giấy tờ khác có liên quan phục vụ cho công tác bầu cử		Thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành về đấu thầu, giao nhiệm vụ	
9	Chi phí khắc dấu, đóng hòm phiếu và bảng			

CÔNG BÁO LẠNG SƠN/SỐ 05+06/ Ngày 09-02-2026

TT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi	
			Cấp tỉnh	Cấp xã
	niêm yết danh sách bầu cử			
9.1	Chi khắc dấu		Trường hợp dấu cũ không thể sử dụng, hoặc cần phải bổ sung, mức chi tối đa 400.000 đồng/dấu (mức chi chưa bao gồm phí, lệ phí)	
9.2	Chi đóng hòm phiếu		Trường hợp hòm phiếu cũ không thể sử dụng mức chi tối đa 500.000 đồng/hòm phiếu	
9.3	Chi bảng niêm yết danh sách bầu cử		Trường hợp chưa có bảng niêm yết, hoặc bảng cũ không thể sử dụng, hoặc cần phải bổ sung, chi theo hóa đơn, chứng từ thực tế phát sinh, mức chi tối đa 1.500.000 đồng/bảng	
10	Chi cho công tác đảm bảo an ninh, trật tự, thông tin, tuyên truyền, hướng dẫn và vận động bầu cử		Thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành, thanh toán theo thực tế, chứng từ chi hợp pháp, hợp lệ trên cơ sở dự toán của cấp có thẩm quyền phê duyệt	
-	Riêng đối với xã, phường mức thực hiện hỗ trợ như sau:			
+	Hỗ trợ đảm bảo an ninh, trật tự	Đồng/xã, phường		5.000.000
+	Hỗ trợ công tác thông tin, tuyên truyền (tuyên truyền công tác bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XVI và đại biểu HĐND các cấp nhiệm kỳ 2026 - 2031 trên địa bàn xã, phường; trang trí băng zôn, khẩu hiệu, thu thập hình ảnh tư liệu, tuyên truyền trên loa đài, tài liệu tuyên truyền)	Đồng/xã, phường		6.000.000

TT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi	
			Cấp tỉnh	Cấp xã
11	Chi phí hành chính phục vụ công tác bầu cử: văn phòng phẩm, chi phí hành chính trong đợt bầu cử; chi thông tin liên lạc phục vụ bầu cử; chi thuê hội trường và địa điểm bỏ phiếu; chi trang trí, loa đài, an ninh, bảo vệ tại các tổ bầu cử; chi khác phục vụ trực tiếp cho công tác bầu cử		Thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành, thanh toán theo thực tế, chứng từ chi hợp pháp, hợp lệ trên cơ sở dự toán của cấp có thẩm quyền phê duyệt	
	Chi hỗ trợ đối với chi phí hành chính phục vụ công tác bầu cử (trang trí, loa đài, an ninh, bảo vệ, văn phòng phẩm, làm vách ngăn tại nơi bỏ phiếu, chi phí khác phục vụ công tác bầu cử) cho các Tổ bầu cử	Đồng/Tổ bầu cử		2.000.000

Điều 5. Thời gian được hưởng hỗ trợ

1. Thời gian hưởng chế độ bồi dưỡng phục vụ công tác bầu cử: căn cứ thời gian thực tế phục vụ công tác bầu cử, cụ thể:

- a) Ban Chỉ đạo, Ủy ban bầu cử các cấp: tối đa không quá 05 tháng;
- b) Ban bầu cử, Tổ chuyên viên giúp việc các cấp: tối đa không quá 04 tháng;
- c) Tổ bầu cử: tối đa không quá 02 tháng.

2. Thời gian huy động, trung tập trực tiếp phục vụ công tác bầu cử (ngoài các đối tượng đã được huy động, trung tập tham gia tại các Tiểu ban, các tổ chuyên viên giúp việc, Tổ bầu cử) không bao gồm những ngày tham gia đoàn kiểm tra, giám sát; phục vụ trực tiếp giải quyết khiếu nại, tố cáo về bầu cử, ngày trước ngày bầu cử và ngày bầu cử, cụ thể:

- a) Cấp tỉnh: không quá 10 ngày.
- b) Cấp xã: không quá 03 ngày.

3. Thời gian hưởng hỗ trợ cước điện thoại di động được tính theo thời gian thực tế phục vụ công tác bầu cử (danh sách được hưởng hỗ trợ theo quyết định của cấp có thẩm quyền):

- a) Cấp tỉnh: thời gian được hưởng tối đa không quá 05 tháng.
- b) Cấp xã: thời gian được hưởng tối đa không quá 02 tháng./.